

Số: /BC-STC

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
Giá thị trường tháng 03, quý I năm 2026

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18/6/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình báo cáo tình hình giá thị trường tháng 03, quý I năm 2026 như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, GIÁ CẢ THÁNG 03, QUÝ I NĂM 2026.

1. Diễn biến mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ và nguyên nhân biến động.

Quý I năm 2026, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường. Chính sách thuế quan của Mỹ và căng thẳng thương mại kéo dài tạo áp lực lên chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, xung đột quân sự tại Trung Đông leo thang làm gia tăng biến động giá năng lượng (xăng, dầu), ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý thị trường và tiềm ẩn rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Trong tháng 3 và quý I năm 2026, giá tiêu dùng tại Việt Nam nói chung và trên địa bàn tỉnh nói riêng tiếp tục chịu sự tác động mạnh từ biến động địa chính trị toàn cầu và các biện pháp kiểm soát lạm phát của nhiều quốc gia, ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả hàng hóa, dịch vụ. Trước bối cảnh đó, Chính phủ triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm ổn định thị trường, kiểm soát lạm phát, bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu; đồng thời chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành, địa phương chủ động đánh giá tình hình, điều hành linh hoạt để giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và duy trì đà phục hồi tăng trưởng. Bám sát chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Ninh Bình tập trung lãnh đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội; chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai đồng bộ các giải pháp kiểm soát lạm phát, ổn định giá

cả. Nhờ đó, giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, có tăng nhưng vẫn trong phạm vi kiểm soát.

2. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI):

2.1. Chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 03/2026:

2.1.1. Phân tích diễn biến CPI trong tháng 03 năm 2026:

ĐVT: %

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với:		
	Kỳ gốc 2024	Tháng 03/2026 so với tháng 03/2025	Tháng 03/2026 so với tháng 02/2026
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	105,97	104,11	101,24
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống, trong đó:	105,52	103,11	99,11
1. Lương thực	101,44	98,43	100,19
2. Thực phẩm	105,99	103,86	98,43
3. Ăn uống ngoài gia đình	106,83	103,30	100,77
II. Đồ uống và thuốc lá	104,12	102,51	100,16
III. May mặc, mũ nón và giày dép	102,39	101,16	99,49
IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	107,10	107,45	100,95
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	103,73	102,45	99,96
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	105,85	100,05	100,00
VII. Giao thông	110,53	114,08	116,63
VIII. Thông tin và truyền thông	99,11	99,78	99,99
IX. Giáo dục	104,73	100,24	100,02
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	112,37	103,48	102,34
XI. Hàng hóa và dịch vụ khác	107,40	101,72	99,37
Chỉ số giá vàng	216,73	185,62	100,99
Chỉ số giá đô la Mỹ	105,21	102,09	100,59

2.1.2. Phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI

- Theo số liệu của Thống kê tỉnh Ninh Bình, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) các mặt hàng tháng 03/2026 tăng 1,24% so với tháng 02/2026, tăng 4,11% so với tháng 03 năm trước, trong đó:

+ Có 05 nhóm chỉ số tăng so với tháng trước: Đồ uống và thuốc lá tăng 0,16%; Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 0,95%; Giao thông tăng 16,63%; Giáo dục tăng 0,02%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,34%.

+ Có 05 nhóm chỉ số giảm so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,89%; May mặc, mũ nón và giày dép giảm 0,51%; Thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,04%; Thông tin và truyền thông giảm 0,01%; Hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,63%.

+ 01 nhóm chỉ số giá ổn định so với tháng trước: Thuốc và dịch vụ y tế.

+ Chỉ số giá vàng tăng 0,99% so với tháng trước.

+ Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,59% so với tháng trước.

2.1.3. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ: theo phụ lục đính kèm.

2.2. Chỉ số giá tiêu dùng quý I năm 2026

2.2.1. Chỉ số giá tiêu dùng quý I năm 2026 so với quý IV năm 2025

Chỉ số giá tiêu dùng quý I năm 2026 so với quý IV năm 2025 tăng 1,14%.

Trong 11 nhóm hàng hóa, dịch vụ chính có 10 nhóm hàng hóa, dịch vụ tăng giá và 01 nhóm hàng hóa, dịch vụ giảm giá, cụ thể là:

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,53%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,31%; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,72%; nhóm nhà ở, điện nước chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,69%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,77%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; nhóm giao thông tăng 3,14%; nhóm giáo dục tăng 0,03%; nhóm văn hóa và giải trí du lịch tăng 1,26%, nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,88%.

- Có 01 nhóm hàng hóa, dịch vụ trong quý I năm 2026 giảm giá cụ thể là: Nhóm thông tin và truyền thông giảm 0,07%.

2.2.2. Chỉ số giá tiêu dùng quý I so với cùng kỳ năm trước và bình quân so với cùng kỳ năm trước

Chỉ số giá tiêu dùng quý I so với cùng kỳ năm trước và bình quân so với cùng kỳ năm trước tăng 2,93%.

Trong 11 nhóm hàng hóa, dịch vụ chính có 10 nhóm hàng hóa, dịch vụ tăng giá và 01 nhóm hàng hóa, dịch vụ giảm giá, cụ thể là:

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,94%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,72%; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 1,15%; nhóm nhà ở, điện nước chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,96%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,37%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,28%; nhóm giao thông tăng 1,74%; nhóm giáo dục tăng 0,23%; nhóm văn hóa và giải trí du lịch tăng 1,69%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,82%.

- Có 01 nhóm hàng hóa, dịch vụ trong quý I năm 2026 giảm giá cụ thể là: Nhóm thông tin và truyền thông giảm 0,37%.

* Nguyên nhân chủ yếu chỉ số giá tiêu dùng quý I năm 2026 tăng so với quý IV năm 2025 và so với cùng kỳ năm trước là:

- Do ảnh hưởng của biến động thị trường hàng hóa thế giới, căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông và Biển Đỏ dẫn đến chi phí nhập xăng, dầu, khí đốt tăng lên cao.

- Giá nhóm nhà ở, điện nước và chất đốt tăng do nhu cầu thuê nhà ở và vật liệu xây dựng tăng, nguồn cung vật liệu khan hiếm và giá điện tích lũy tăng khi các chi phí đầu vào tăng cao.

- Nhu cầu tiêu dùng tăng cao như: Mua sắm thực phẩm, đồ uống, quần áo, giày dép, dịch vụ ăn uống và du lịch, các thiết bị và đồ dùng gia đình...trong các dịp Lễ, Tết, du lịch, lễ hội...tăng nên đẩy giá các nhóm hàng tiêu dùng tăng.

- Giá xăng dầu biến động liên tục trong quý I năm 2026 do đó Nhà nước điều chỉnh theo tình hình giá xăng dầu chung của thế giới vì vậy đã ảnh hưởng đến chi phí vận tải và giá hàng hóa, nhu cầu đi lại, đi du lịch nội địa, lễ hội đầu năm tăng cao.

- Giá vàng và tỷ giá USD tăng do bất ổn kinh tế toàn cầu và chính sách tiền tệ của Mỹ đã tác động gián tiếp đến giá tiêu dùng trong nước.

- Các yếu tố chi phí tăng cao như: Chi phí vận chuyển, chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu...tăng cùng với kỳ vọng lạm phát nên các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh điều chỉnh.

II. DIỄN BIẾN GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA MỘT SỐ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THIẾT YẾU THÁNG 03/2026.

1. Giá lương thực bình quân cả tháng: thóc tẻ thường 8.000 - 11.400 đ/kg, gạo tẻ thường 16.000 - 20.000 đ/kg.

2. Giá thực phẩm cụ thể như sau: Giá thịt lợn nạc thăn 120.000 - 140.000 đ/kg; Giá thịt bò thăn từ 235.000 - 255.000 đ/kg; Giá gà ta còn sống từ 90.000 - 140.000 đ/kg; cá quả 65.000 - 110.000đ/kg. Giá rau bình quân ở mức: Cà chua 15.000 - 32.000 đ/kg; bắp cải trắng 10.000 - 30.000 đ/kg; rau muống 10.000 đ/mớ; rau đay, mùng toi 10.000đ/mớ.

3. Giá phân bón bình quân ở mức: Đạm Ure bao 50kg giá bán lẻ 16.000-17.500đ/kg, NPK 5:10:3 bao 25 kg giá 7.500-8.000đ/kg, NPK 16:16:8 bao 25kg giá 16.000-18.000đ/kg; Giá thức ăn chăn nuôi bình quân: Thức ăn cho heo tập ăn 5 ngày tuổi bao 25kg: 9.450-17.661đ/kg, heo thịt siêu 3 tuần xuất bán bao 25kg: 8.280-17.540đ/kg, gà 1-21 ngày tuổi bao 25kg: 9.890-13.804đ/kg, gà đẻ siêu trứng bao 25kg: 8.300-12.962đ/kg, gà lông màu 4 tuần tuổi - xuất bán bao 25kg: 9.409-12.471đ/kg; Thức ăn thủy sản: Thức ăn tổng hợp cho tôm bao 25kg: 32.600đ/kg, thức ăn tổng hợp cho cá bao 25kg: 19.000đ/kg.

4. Giá khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) bình quân tháng 03 là 387.648 đồng/bình 12 kg. Giá bán lẻ LBP trên địa bàn tỉnh dao động ở mức 340.000 - 442.944 đồng/bình 12kg, tùy thương hiệu và nhà cung cấp.

5. Dịch vụ giáo dục:

- Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập tại tỉnh Ninh Bình: Trẻ em, học sinh có nơi thường trú tại phường: 180.000đ/Trẻ em, học sinh/Tháng; Trẻ em, học sinh có nơi thường trú tại xã: 160.000đ/Trẻ em, học sinh/Tháng.

- Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập tại tỉnh Ninh Bình:

+ Tiểu học: Học sinh có nơi thường trú tại phường: 170.000đ/Trẻ em, học sinh/Tháng; Trẻ em, học sinh có nơi thường trú tại xã: 150.000đ/Trẻ em, học sinh/Tháng.

+ Trung học cơ sở: Học sinh có nơi thường trú tại phường: 170.000đ/Trẻ em, học sinh/Tháng; Trẻ em, học sinh có nơi thường trú tại xã: 150.000đ/Trẻ em, học sinh/Tháng.

+ Trung học phổ thông: Học sinh có nơi thường trú tại phường: 180.000đ/Trẻ em, học sinh/Tháng; Trẻ em, học sinh có nơi thường trú tại xã: 160.000đ/Trẻ em, học sinh/Tháng.

6. Giao thông: Giá trông giữ xe máy: 4.000 - 5.000 đ/lượt; Giá trông giữ ô tô: 10.000 - 40.000 đ/lượt; Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ: 8.000 - 12.000 đ/km; Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi: 14.000 - 20.000 đ/km.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ THÁNG 03/2026

1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý giá.

- Tiếp tục xây dựng Dự thảo Quyết định Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Tiếp tục rà soát các cơ chế, chính sách về giá đang áp dụng của 03 tỉnh (trước và sau sáp nhập), đồng thời nghiên cứu, tham mưu xây dựng cơ chế chính sách chung áp dụng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Công tác định giá

- Tiếp tục phối hợp định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Tham gia Hội đồng Định giá tang vật vi phạm hành chính, tiêu hủy tài sản của các vụ án cùng với Công an tỉnh, Kiểm lâm, Chi cục Quản lý thị trường; Thi hành án tỉnh.

3. Chỉ đạo một số công việc khác trong lĩnh vực quản lý giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Tiếp tục thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng CSDL giá của tỉnh Ninh Bình đáp ứng việc sáp nhập tỉnh/thành phố, mô hình chính quyền địa phương hai cấp và đáp ứng yêu cầu của Luật giá 16/2023/QH15;

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Thông báo số 17/TB-UBND ngày 13/2/2026 Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Tham mưu UBND tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể số I; II; III; IV tỉnh Ninh Bình: Số 769/QĐ-UBND; 771/QĐ-UBND; 773/QĐ-UBND; 772/QĐ-UBND ngày 20/3/2026; Tham mưu Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể Quyết định thành lập Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể;

- Tham mưu ban hành Quyết định số 38/QĐ-HĐTĐ ngày 18/3/2026 về việc thành lập Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định Bảng giá đất, thẩm định hệ số điều chỉnh giá đất tỉnh Ninh Bình;

- Phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia và dịch vụ về giá tổ chức lớp Bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước (đợt 2) tại tỉnh Ninh Bình.

- Tham mưu UBND tỉnh văn bản chỉ đạo triển khai Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ.

- Tham gia ý kiến kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Gửi văn bản đôn đốc các Sở, ngành, Doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh triển khai việc định giá, ban hành mới văn bản định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

- Dự thảo văn bản tham mưu UBND tỉnh tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành giá; tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Thông tư số 145/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính; tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 03/3/2026 của Chính phủ.

- Theo dõi sát diễn biến tình hình thị trường, cung, cầu, giá cả thị trường để thực hiện các báo cáo tình hình thị trường theo quy định để báo cáo Cục Quản lý Giá-Bộ Tài chính, UBND tỉnh.

IV. DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trong tháng 04/2026 như sau:

- Đối với thị trường lúa gạo dự báo thời gian tới diễn biến giá thị trường tăng nhẹ. Đồng thời mặt bằng giá thị trường các mặt hàng phân bón (đạm, lân, kali, NPK...) cũng sẽ tăng theo xu hướng của thị trường trên thế giới. Giá thức ăn chăn nuôi tiếp tục duy trì ở mức cao nhưng sẽ có dấu hiệu ổn định về cuối quý. Dự báo giá thành thức ăn thủy sản dự báo sẽ tiếp tục tăng, và có xu hướng tăng mạnh nhất vào đầu tháng 4/2026. Trong giai đoạn cuối tháng 3, đầu tháng 4 giá bán lẻ thực tế tại các đại lý chưa tăng mạnh, chủ yếu tăng nhiều ở nhóm thức ăn cho tôm và cá biển, giá thức ăn cho cá nước ngọt cơ bản sẽ ổn định đến cuối tháng 3 mới bắt đầu tăng.

- Nhóm giáo dục ổn định, học phí các cấp từ mầm non đến đại học, sau đại học không biến động so với tháng trước.

- Nhóm điện nước tăng giá ở một số mặt hàng: Nước sinh hoạt, điện sinh hoạt do qua bắt đầu nắng nóng nên nhu cầu sử dụng điện nước của người dân tăng.

- Nhóm may mặc mũ nón, giày dép tăng do Chi phí nhân công, chi phí vận chuyển, chi phí vật liệu tăng tác động đến tăng giá của sản phẩm, mặt khác một số doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới, hiện đại hơn để đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng vì vậy làm tăng giá thành sản phẩm.

- Giá vật liệu xây dựng tăng do nhu cầu thuê nhà ở, nhu cầu sửa chữa nhà ở tăng cao, nguồn vật liệu khan hiếm, chi phí nguyên liệu đầu vào, chi phí nhân công tăng... cùng với tác động của đầu cơ, tích trữ, các dự án hạ tầng lớn được đầu tư và xây dựng trong khi các mỏ khai thác cát, đá bị hạn chế hoặc tạm dừng khai thác. Các chất đốt tăng do ảnh hưởng của biến động địa chính trị xung đột thế giới đã ảnh hưởng đến nguồn cung năng lượng.

- Nhóm giao thông: Giá nhiên liệu như xăng, dầu diesel, giảm do nguồn cung dầu thế giới dự kiến tăng, tăng trưởng tiêu thụ dầu toàn cầu chậm lại và do điều chỉnh chính sách thuế nhập khẩu và thuế môi trường ổn định ở mức thấp giúp hỗ trợ giảm giá, địa chính trị tạm thời hạ nhiệt do đó thị trường bớt lo ngại gián đoạn nguồn cung, tồn kho dầu thô của Mỹ tăng mạnh tạo áp lực giảm giá trên thị trường quốc tế. OPEC dự kiến tăng sản lượng, thị trường dự báo nguồn cung sẽ dồi dào do đó giá xăng, dầu giảm mạnh.

- Giá vàng, đô la Mỹ theo giá thị trường trong nước và thế giới.

- Giá bán lẻ LBP tiếp tục tăng theo giá thế giới trong bối cảnh tình hình địa chính trị tại Trung Đông chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

V. GIẢI PHÁP, BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ

- Sở Tài chính tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành có liên quan theo dõi diễn biến cung cầu, giá cả thị trường các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; Đẩy mạnh thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường để tham mưu biện pháp điều hành giá phù hợp; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Theo dõi việc kê khai giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu theo quy định của pháp luật.

- Chú trọng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế để triển khai, hướng dẫn Luật Giá năm 2023 đảm bảo thống nhất, đồng bộ, hiệu quả.

- Tiếp tục một số công việc thường xuyên trong lĩnh vực quản lý Giá.

Trên đây là báo cáo giá thị trường tháng 03, quý I năm 2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Quản lý Giá - BTC;
- UBND các xã, phường;
- Đ/c GD Sở (đề b/c);
- Website Sở Tài chính;
- Lưu VT, G&CS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trung Dũng